

Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển đại học thời kỳ mới

Improving international cooperation of university in the new period

Lê Chiến Thắng

Tóm tắt

Hợp tác quốc tế (HTQT) đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của các trường đại học. Trong bối cảnh của Việt Nam, HTQT đã có một sự phát triển lịch sử lâu dài gắn kết song hành với sự phát triển của các trường đại học từ trong những hoàn cảnh khó khăn của chiến tranh tới việc xây dựng trong thời bình. HTQT trong những năm gần đây đã có những sự thay đổi đột phá với gắn kết chiến lược phát triển giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đòi hỏi các trường đại học phải có chất lượng đột phá và vai trò của các quốc tế hơn lúc nào hết lại càng trở nên quan trọng. HTQT giờ đây không chỉ còn là một phần mang tính chất bổ sung cho một cấu trúc hoàn chỉnh của trường đại học mà nó đã thực sự tích hợp vào cuộc sống của một trường đại học hiện đại tại Việt Nam. Sự gia tăng các hoạt động HTQT không chỉ mang lại việc nâng cao chất lượng đào tạo hay nghiên cứu của trường đại học mà còn giúp trường tăng nguồn thu tạo sức bật để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu xã hội ngày càng thay đổi nhanh chóng, đặc biệt trong thời đại 4.0.

Từ khóa: Hợp tác quốc tế, năng lực cạnh tranh, công dân toàn cầu, vị thế quốc tế, xếp hạng trường đại học

Abstract

International cooperation plays a very important role in the development of universities. In the context of Vietnam, international cooperation has had a long history of development associated with the development of universities from the difficult circumstances in the wartime to the development in peace time. International cooperation in recent years has made breakthrough changes with the integration of education development strategy, development of high quality human resources that require universities to have breakthrough quality and role than ever. International cooperation is becoming is now no longer just a complementary part of a university structure, but it has truly integrated into the life of a modern university in Vietnam. The increase in international cooperation activities not only enhances the quality of training or research of the university, but also helps the university increase its revenue to create resilience to better meet the increasing social needs which change rapidly, especially in the industry revolution 4.0 era.

Key words: International cooperation, competitiveness, global citizenship, international status, university rankings

TS.KTS. Lê Chiến Thắng

Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
ĐT: 0947878818
Email: thang.lc@hau.edu.vn

Ngày nhận bài: 23/12/2019
Ngày sửa bài: 27/12/2019
Ngày duyệt đăng: 18/11/2021

1. Mở đầu

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển với những bước tiến nhảy vọt trong thế kỷ 21, đưa thế giới chuyển từ kỷ nguyên công nghiệp sang kỷ nguyên thông tin và phát triển kinh tế tri thức, kho tàng kiến thức của nhân loại ngày càng đa dạng, phong phú và tăng theo cấp số nhân, đòi hỏi chất lượng đào tạo liên tục nâng lên ở tầm cao mới. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế khách quan, Việt Nam cũng đã hòa nhập vào xu hướng quốc tế hóa đó với việc tham gia ngày càng sâu rộng vào các hoạt động chung toàn cầu như hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) hay mở cửa thị trường ASEAN. Sự cạnh tranh ở nhiều cấp độ khác nhau trong nội bộ mỗi quốc gia và giữa các quốc gia diễn ra ngày càng quyết liệt hơn đòi hỏi phải nâng cao chất lượng, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội ngày càng nhanh với hình thức đa dạng là đã trở thành vấn đề sống còn của mỗi cơ sở giáo dục. Cùng với sự vận động phát triển nội lực của mỗi trường đại học, xu hướng quốc tế hóa trong giáo dục cũng đang trở thành mũi nhọn của các trường đại học trong cuộc cạnh tranh toàn cầu. Các trường đại học được quốc tế hóa hoạt động tốt hơn nhiều trong đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học. Điều này được thể hiện qua việc đào tạo được những sinh viên có kiến thức mang tầm quốc tế và năng lực mang tính đa văn hóa, đạt được những chuẩn mực quốc tế, duy trì năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh phát triển tri thức trong những vấn đề liên quốc gia. Các trường đại học phát triển HTQT và hoạt động theo những chuẩn mực quốc tế sẽ đạt được sự thừa nhận, đồng thời duy trì khả năng và lợi thế cạnh tranh trong môi trường toàn cầu.

Chính phủ của các nước, đặc biệt là các nước có nền giáo dục phát triển, rất chú trọng hoạt động HTQT trong lĩnh vực giáo dục qua các kênh khác nhau. Chính phủ Việt Nam cũng khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo giáo dục là “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế...”. Một trong những giải pháp để thực hiện được các mục tiêu của chiến lược giáo dục là “Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục”: Khuyến khích các cơ sở giáo dục trong nước hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài...; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài... tài trợ cho giáo dục, tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học...

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực giáo dục ngày càng tăng với nhiều tập đoàn trường học ở các nước có nền giáo dục phát triển đến đầu tư tại Việt Nam. Đồng thời các cơ sở đào tạo có vốn FDI phát triển nhanh cả số lượng và chất lượng. Các dự án trị giá 40 – 50 triệu USD trở lên khá phổ biến (British University Vietnam; trường ĐH Việt - Nhật...). Cơ hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam là rất lớn. Hiện có Có hai xu hướng nhìn nhận về giáo dục đại học: một là xu hướng truyền thống xem đại học là hàng hóa công vì phục vụ lợi ích công, do vậy lợi nhuận không phải là mục tiêu (1); hai là xu hướng xem giáo dục đại học như một hàng hóa khả mại cần hoạt động theo những luật lệ

thương mại và quốc tế hóa. Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS) đã thể hiện quan điểm của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) coi giáo dục là một dịch vụ trong hoạt động thương mại, có các mã trong Hệ thống phân loại các sản phẩm chủ yếu (CPC) (2). Xu hướng (2) này biểu hiện rất rõ trong các hoạt động đào tạo liên kết. Bên cạnh đó, định hướng tự chủ đại học cũng đang diễn ra đòi hỏi các trường phải có những động thái tích cực trong việc chủ động gia tăng các nguồn thu, gia tăng khả năng cạnh tranh để tự chủ trong tương lai gần và hợp tác quốc tế ở các hình thức khác nhau chính là một trong những động lực chính để thực hiện điều đó.

2. Vai trò của hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học hiện nay

a. Hợp tác quốc tế là một xu hướng tất yếu:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và quốc tế hóa hiện nay, phát triển giáo dục là một xu hướng tất yếu trong một quá trình gia tăng sự trao đổi kiến thức và kinh nghiệm xuyên quốc gia. Sự trao đổi đó được thực hiện bởi con người, công nghệ thông tin và truyền thông, và sự dịch chuyển của cơ cấu nền kinh tế. Xét ở một bối cảnh rộng lớn, các trường đại học không chỉ là một thiết chế giáo dục, mà còn là một môi trường uy tín dẫn đầu các lĩnh vực trong xã hội thông qua các hoạt động nghiên cứu của mình. Sự phát triển của các trường đại học diễn ra không ngừng và nó càng diễn ra sâu rộng hơn trong một môi trường rộng mở với những tác nhân mới tác động từ bên ngoài. Trong bối cảnh kinh tế - xã hội đó, HTQT trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng là xu hướng tất yếu, nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, chất lượng đào tạo, năng lực cạnh tranh, cải thiện cơ sở vật chất...

b. Hợp tác quốc tế góp phần nâng cao vị thế các trường đại học

Các bảng xếp hạng uy tín đều sử dụng các chỉ tiêu liên quan đến yếu tố quốc tế như tỉ lệ sinh viên quốc tế, số bài báo khoa học quốc tế, số lượng giảng viên quốc tế, số lượng chương trình liên kết đào tạo (LKĐT) với nước ngoài.

- Quacquarelli Symonds (QS): Trong tổng điểm đánh giá của QS, 5/13 tiêu chí xếp hạng đại học của QS liên quan đến yếu tố quốc tế: Tỉ lệ giảng viên quốc tế, tỉ lệ sinh viên quốc tế, tỉ lệ giảng viên và nghiên cứu viên quốc tế, tỉ lệ sinh viên đi trao đổi nước ngoài. Theo QS, tỉ lệ giảng viên và sinh viên quốc tế chứng tỏ sự thu hút và khả năng xây dựng thương hiệu quốc tế của mỗi cơ sở giáo dục, cung cấp môi trường đa quốc gia, tạo điều kiện giao thoa văn hóa, phát triển kỹ năng mềm – những kỹ năng ngày càng có giá trị đối với nhà tuyển dụng. Năm 2021 có 2 trường đại học Việt Nam nằm trong 801-1000 trường đại học hàng đầu thế giới (ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TPHCM).

- Times Higher Education (THE): Trong 5 nhóm chỉ số chính có triển vọng quốc tế (giảng viên, sinh viên và nghiên cứu) chiếm trọng số 7,5%, bao gồm tỷ lệ sinh viên quốc tế/sinh viên trong nước (2,5%), tỷ lệ giảng viên quốc tế/giảng viên trong nước (2,5%), hợp tác quốc tế (2,5%). Theo THE, khả năng thu hút được sinh viên đại học, sau đại học và giảng viên từ khắp nơi trên thế giới là chìa khóa dẫn đến thành công của trường trong việc củng cố vị thế quốc tế.

- University Ranking by Academic Performance (URAP): trong 6 chỉ số chính, hợp tác quốc tế chiếm 15% tổng điểm. Theo URAP: HTQT là công cụ thể hiện sự chấp nhận toàn cầu đối với trường đại học. Năm 2019, Việt Nam có 08 đại học vào bảng xếp hạng này, năm 2020 tăng lên

thành 12 trường đại học. Trong đó trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) đứng vị trí số 1 Việt Nam và thứ 639 thế giới, tiếp theo là Duy Tân, ĐHQG Hà Nội, ĐH QGTPHCM, ĐH Y, ĐH Bách Khoa, ĐH Nguyễn Tất Thành, ĐH Cần Thơ, ĐH Huế, ĐH Nông Nghiệp, ĐH Sư phạm và ĐH Mở và Địa chất.

c. Đa dạng hóa các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm phục vụ xã hội tốt hơn

Các hình thức HTQT hiện nay rất đa dạng: từ hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, hợp tác trong nghiên cứu khoa học đến hợp tác phát triển năng lực quản lý hoặc quản trị đại học. Các hoạt động HTQT không chỉ góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng mà nó còn giúp hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển trong tương lai của các trường đại học. HTQT ngày nay không chỉ dừng lại trong một lĩnh vực cụ thể hay một chuyên ngành cụ thể mà nó mang tính chất tổng thể tích hợp vào tất cả các mặt hoạt động của trường đại học góp phần giúp các trường đại học đạt đẳng cấp cao hơn và có môi trường quốc tế cao. HTQT cũng không phải tới từ một phía các trường đại học tiên tiến trên thế giới giúp đỡ các trường đại học Việt Nam trong việc từng bước hòa nhập với môi trường quốc tế mà hiện nay đã mang tính chất hai chiều dựa trên tinh thần đôi bên cùng có lợi dựa và lợi thế mà các bên có được cũng như sự hiểu biết lẫn nhau cũng như tích hợp vào các chương trình ngoại giao giữa các vùng, thành phố hay thậm chí là cả cấp độ quốc gia. HTQT không chỉ là xu hướng tất yếu mà thực sự nó đã được trở thành thành một phần không thể tách rời trong hoạt động đời sống của một trường đại học hiện nay và trong tương lai HTQT không còn được xem như là phần bổ sung hay mang tính chất thành phần đầy đủ của một trường đại học mà vai trò của nó sẽ được đề cao hơn và được tích hợp sâu sắc hơn vào các hoạt động của trường.

3. Các hình thức hợp tác quốc tế

Các hình thức HTQT được quy định trong Luật Giáo dục đại học bao gồm: Liên kết đào tạo (1); Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam (2); Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học (3); Tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị (4); Bồi dưỡng, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và người học (5); Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ (6); Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế (7); Mở văn phòng đại diện cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam ở nước ngoài (8).

Trong các hình thức HTQT, nổi bật là liên kết đào tạo (LKĐT). Cho tới năm 2019 thì Việt Nam có hơn 550 chương trình LKĐT và có 32 chương trình tiên tiến. Các chương trình LKĐT này không chỉ tạo cơ hội du học tại chỗ cho sinh viên bằng cách thiết lập các chương trình đào tạo tại Việt Nam với sự tham gia quản lý, giảng dạy hoặc cấp bằng của các trường nước ngoài. Chi phí để học tập tại các chương trình này cao hơn nhiều so với chương trình đại trà nhưng chất lượng giáo dục cũng như sự khác biệt cũng có nhiều, như cơ hội để sinh viên có thể gia nhập môi trường quốc tế, chương trình đào tạo tiên tiến, được tiếp xúc với giảng viên và sinh viên nước ngoài. Trong bối cảnh số lượng sinh viên Việt Nam đi du học ngày càng tăng đã cho thấy xu hướng tất yếu của việc mở các chương trình LKĐT đáp ứng nhu cầu học tập với chất lượng cao ngay tại Việt Nam và đây là xu hướng chủ đạo trong các hoạt động HTQT.



Hình 1. Một số hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo tại trường đại học kiến trúc Hà Nội

Hợp tác trong nghiên cứu cũng đã và đang mang lại những hiệu quả rất thiết thực giúp các chuyên gia, giảng viên và sinh viên Việt Nam tiếp cận những phương pháp làm việc, kiến thức và kết quả nghiên cứu mới nhất, giúp nhiều trường thành công trong việc đi tắt đón đầu xu thế của thế giới và tiếp cận với nhịp sống của môi trường quốc tế đương đại. Hợp tác trong nghiên cứu đã đạt được những thành quả thông qua việc công bố các cái ẩn phẩm khoa học chung cũng như xây dựng các cơ sở nghiên cứu chung tại Việt Nam ngày càng nhiều đã cho thấy hiệu quả của hình thức này.

Một hoạt động hợp tác cũng rất sôi nổi là các hoạt động trao đổi sinh viên, giảng viên cũng như các nghiên cứu viên với sự hợp tác song phương hoặc đa phương góp phần tạo ra môi trường trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa và sự hiểu biết lẫn nhau. Bước đầu giúp cho sinh viên có thể dễ hòa nhập vào môi trường quốc tế cũng như có những quan kiến rộng mở về một thế giới đại đồng, về một môi trường làm việc không biên giới trong thời đại của họ. Sự trao đổi đó giúp sinh viên thiết lập các mối quan hệ xã hội, nền tảng

kiến thức, kỹ năng và thái độ cho nghề nghiệp của họ trong tương lai.

Bên cạnh đó, liên kết thư viện giúp gia tăng các lợi ích cho sinh viên trong việc phát triển các phương pháp học mới khi chủ động trong việc tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu cũng như cập nhật các kiến thức chuyên ngành mới nhất. Liên kết thư viện ngày nay, đặc biệt là thư viện số, dựa trên nền tảng công nghệ thông tin ngày càng phát triển trong thời đại 4.0 đã tạo ra những lợi thế rất lớn trong việc trong các hình thức cung cấp thông tin tới người dùng. Có thể nói liên kết thư viện chính là nền tảng để thúc đẩy các loại hình liên kết khác

Cuối cùng việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và sinh viên qua các khóa tập huấn bồi dưỡng ngắn hạn giúp bổ xung những phần kiến thức kỹ năng còn thiếu cho các đối tượng liên quan cũng là những hoạt động thiết thực, dễ thực hiện và có thể nói đó là hoạt động gần như được triển khai đầu tiên khi tiến hành HTQT.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển trường đại học

Nhằm nâng cao tăng cường hoạt động HTQT trong trường đại học, đặc biệt với những trường đại học có truyền thống lâu đời như trường ĐH Kiến trúc Hà Nội, trong bối cảnh hiện nay cần có những thay đổi căn bản trong công tác như sau:

Về bộ máy và cơ chế quản lý: cần phải hệ thống HTQT trong các cấp độ khác nhau từ quản lý cấp cao tới những đơn vị cơ sở nhỏ nhất với các trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi cụ thể. Có thể nói bộ máy quản lý HTQT của các nhà trường hiện nay là tương đối hoàn chỉnh phù hợp với chiến lược, mục tiêu hay kế hoạch hành động của từng trường. Tuy nhiên cơ chế quản lý còn mang tính chất hành chính dẫn đến việc quản lý các hoạt động hợp tác không hiệu quả, có sự chông chéo giữa các đơn vị... điều này xảy ra ở hầu hết các trường tại Việt Nam. Một vấn đề rất quan trọng là việc áp dụng các mô hình quản lý mới cho các trường mới thành lập và các trường đã được thành lập lâu năm: với các trường đã được thành lập lâu năm thì việc áp dụng các cơ chế quản trị quản lý mới, trong đó có HTQT, luôn gặp những khó khăn liên quan đến cả các yếu tố chủ quan và khách quan. Do đó việc thay đổi cơ chế quản lý này gặp rất nhiều khó khăn và cần phải có sự quyết tâm của ban lãnh đạo nhà trường, sự đồng thuận của các cấp cơ sở và thậm chí tới từng cán bộ giảng viên hay cả sinh viên. Cũng cần phải có công cụ cũng như tư vấn từ các chuyên gia về quản trị đại học học. Đối với những trường mới thành lập thì việc áp dụng mô hình quản lý mới dễ được thiết lập hơn và cũng linh hoạt hơn trong quá trình hoạt động cho phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó cần phải có quy chế quy định về việc phối hợp HTQT quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các bên liên quan nhằm khuyến khích các hoạt động HTQT có mặt thường xuyên trong tất cả các hoạt động đời sống của nhà trường. Việc này sẽ giúp cho các hoạt động HTQT được thông suốt sự phối hợp giữa các đơn vị trong nhà trường rõ ràng, tránh chông chéo và tránh phát sinh những vấn đề.

Về phát triển hợp tác quốc tế: Các chiến lược trong trường từ cấp cao nhất tới các cấp cơ sở đều có thể định lượng được về các kết quả của HTQT trong dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Bên cạnh các hoạt động cấp Nhà trường hay Khoa Viện, cần phải xem các giảng viên, đặc biệt là những người tốt nghiệp ở nước ngoài trở về, như là những đại sứ kết nối với các nước mà họ tu nghiệp, thông qua họ có thể kết nối tới các chuyên gia hay các tổ chức quốc tế mà họ có quan hệ. Cần phải tổ chức các hoạt động mang tính chất giao lưu giữa các hội nghề nghiệp hoặc các tổ chức hội lưu học sinh tại nhà trường, đó chính là cơ hội để trao đổi không chỉ các vấn đề chuyên môn mà còn các vấn đề liên quan tới việc mở rộng các mối quan hệ, hòa nhập vào các hệ thống quốc tế chuyên nghiệp cũng như giúp gia tăng các ý tưởng các trong các lĩnh vực liên quan. Cần phải có Ngày HTQT để sinh viên, cán bộ giảng viên cũng như các cấp lãnh đạo của nhà trường có thể hiểu, tham gia và giúp định hướng phát triển trong các lĩnh vực liên quan.

Về tài chính: đây cũng là một điểm mấu chốt trong việc phát triển nhà trường nói chung (cùng các vấn đề về con người và cơ chế) và trong việc phát triển các hoạt động

HTQT nói riêng. Cơ chế tài chính cần phải minh bạch, rõ ràng và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường. Cùng đối tác tìm kiếm các nguồn tài chính khác nhau và phương thức chi tiêu hiệu quả phục vụ các mục tiêu. Có thể phải xây dựng cơ chế đặc thù cho HTQT, tăng tính linh hoạt và chủ động để đạt hiệu quả cao.

Về cơ sở vật chất: là một vấn đề quan trọng không kém. HTQT có thể được xem như bộ mặt ngoại giao của nhà trường và do đó cơ sở vật chất cho HTQT cũng cần phải có một bộ mặt tương xứng giúp cho việc tạo hình ảnh và vị thế cho nhà trường khi làm việc với các đối tác quốc tế. Do đó phát triển cơ sở vật chất cho HTQT được xem là đầu tư có trọng điểm nhằm hướng tới việc tạo nên sự tin cậy đối tác trong vấn đề liên quan.

Về truyền thông và quảng bá: Phải đẩy mạnh công tác truyền thông và quảng bá. Có kế hoạch truyền thông hàng năm. Xây dựng website chuyển tải thông tin và tăng tính tương tác với sinh viên, giảng viên và những đối tượng quan tâm. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên và cựu sinh viên giúp mở rộng quảng bá trong và ngoài nước. HTQT mang tính chất đối ngoại, do đó truyền thông quảng bá đóng vai trò quan trọng. Bên cạnh các sự kiện trực tiếp, các hoạt động trực tuyến ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi mà dịch bệnh Covid đã hoành hành trong gần 2 năm qua đã đẩy các hình thức trực tuyến trong mọi lĩnh vực cuộc sống nói chung và trong đào tạo nói riêng phát triển mạnh. Và các hoạt động trực tuyến này cũng giúp thúc đẩy truyền thông tốt hơn rất nhiều.

5. Kết luận

Hợp tác quốc tế ngày nay đang thay đổi cả về lượng và về chất mang lại những thay đổi căn bản cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các trường đại học tại Việt Nam. Hợp tác quốc tế đã trở thành chất xúc tác rất quan trọng trong việc tạo dựng môi trường quốc tế trong một thế giới phẳng ngày nay và vẫn sẽ là xu hướng chủ đạo trong tương lai khi ứng dụng kỹ thuật số ngày mở rộng. Tăng cường hoạt động hợp tác để phát triển phải là những giải pháp đồng bộ bao gồm từ tổ chức bộ máy, cơ chế chính sách cho đến các vấn đề về cơ sở vật chất, tài chính, phát triển nguồn nhân lực cũng như hệ thống truyền thông./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD&ĐT, Đề án Đào tạo theo Chương trình tiên tiến tại một số trường ĐH của Việt Nam giai đoạn 2008 –2015
2. Trần Khánh Đức. Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI. NXB Giáo dục Việt nam. Hà Nội, 2010
3. Tổ chức đại học Pháp ngữ (AUF), Tài liệu hướng dẫn Quy trình chất lượng, 2017
4. Phạm Thị Ly, Vai trò của Hợp tác quốc tế trong việc xây dựng trường Đại học theo chuẩn mực quốc tế cho Việt Nam, 2019
5. Các nguồn internet của các tổ chức xếp hạng đại học như Quacquarelli Symonds, Times Higher Education, University Ranking by Academic Performance.